

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 12 – 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
cấp dưỡng nuôi con, chi phí khám  
sức khỏe thai nhi, chia tài sản chung  
vợ chồng khi ly hôn”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Út – Ông Trần Hoàng Liên

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Việt Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và thụ lý bổ sung số 06/TB-TLVA ngày 29 tháng 9 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chi phí khám sức khỏe thai nhi, chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Phùng Nhựt M, sinh năm 1990 (có mặt)

*Địa chỉ:* Số A đường B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Trang Nhã H, sinh năm 1990 (có mặt)

*Địa chỉ:* Số A L, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phùng Nhựt M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Trang Nhã H chung sống với nhau vào năm 2019, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P vào ngày 25/12/2020. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ với nhau, đời sống hôn nhân căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cuộc sống hôn nhân ngày càng không hòa hợp, vợ chồng đã không sống cùng nhau gần 02 năm nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với vợ ông là bà Nguyễn Trang Nhã H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung Phùng Khôi V – sinh ngày 29/5/2022; Ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng với điều kiện gia đình bà H và bà H tạo điều kiện cho ông được thăm nom con, không được gây khó khăn hay cản trở quyền thăm con của ông. Nếu không đáp ứng điều kiện trên thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, tương đương với 25% thu nhập hiện nay của ông; thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm xét xử cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được.

- Về chi phí cấp dưỡng 16 tháng đã qua với số tiền 40.000.000 đồng (2.500.000 đồng x 16) thì ông không đồng ý vì trong thời gian đó cho đến hôm nay ông vẫn chưa được gặp con.

- Về chi phí khám thai, dưỡng thai: Ông đồng ý hoàn lại cho bà H ½ số tiền chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở là 22.800.000 đồng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung như sau: 01 bộ nữ trang gia đình bà H đã cho khi cưới gồm 01 vòng kiềng, 02 vòng tay; 01 bộ nữ trang gia đình ông đã cho khi cưới gồm 01 đôi bông tai bạch kim, 01 cặp nhẫn bạch kim có gắn kim cương, 01 sợi dây chuyền bạch kim; số tiền 125.000.000 đồng. Ông đồng ý chia đôi số tài sản trên.

Tại phiên tòa, ông M đồng ý giao toàn bộ số nữ trang trên cho bà H, ông chỉ xin giữ lại 01 nhẫn cưới bạch kim có gắn kim cương.

- Về nợ chung: Không có.

*Tại đơn khởi kiện ngày 02/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Trang Nhã H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phùng Nhựt M t tìm hiểu, yêu thương và tiến đến kết hôn; vợ chồng có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P vào ngày 25/12/2020. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng sống không hòa hợp, hiện vợ chồng đã không sống cùng

nhau 02 năm nay. Nay ông M yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn vì bà xác định đã hết tình cảm vợ chồng với ông Phùng Nhật M.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung Phùng Khôi V – sinh ngày 29/5/2022; Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu còn nhỏ và từ khi cháu được sinh ra đã được bà chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được.

- Về chi phí cấp dưỡng 16 tháng đã qua với số tiền 40.000.000 đồng (2.500.000 đồng x 16) tính từ thời điểm cháu V được sinh ra cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Bà yêu cầu ông M phải thanh toán cho bà vì đây là trách nhiệm của người làm cha, ông M công nhận cháu V là con chung nhưng không chu cấp tài chính cho cháu để bà chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Tại phiên tòa, bà H thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng; Yêu cầu ông M thanh toán chi phí cấp dưỡng 19 tháng đã quá (từ thời điểm cháu V sinh ra là ngày 29/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm) là 19 tháng x 2.000.000 đồng = 38.000.000 đồng.

- Về chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở: Bà yêu cầu ông M hoàn lại cho bà ½ chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở là 22.800.000 đồng.

- Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 bộ nữ trang 06 chỉ vàng mà gia đình bà đã cho khi cưới gồm 01 vòng kiềng, 02 vòng tay; 01 bộ N1 mà gia đình ông M đã cho vợ chồng khi cưới gồm 01 đôi bông tai bạch kim, 01 cặp nhẫn bạch kim có gắn kim cương, 01 sợi dây chuyền bạch kim và số tiền 125.000.000 đồng mà vợ chồng bà đã hùn với ba mẹ ông M mua đất. Bà yêu cầu chia đôi toàn bộ số tài sản trên.

- Về nợ chung: Không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Án lệ số 62/2023/AL1/HĐTPTANDTC ngày 24/02/2023.

+ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các nội dung sau:

\* Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phùng Nhựt M và bà Nguyễn Trang Nhã H.

\* Về con chung: Giao cháu Phùng Khôi V – sinh ngày 29/5/2022 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà H không được cản trở việc ông M thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

\* Về chi phí khám thai, dưỡng thai: Ông Phùng Nhựt M đồng ý hoàn lại cho bà H ½ chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở là 22.800.000 đồng.

\* Về tài sản chung: Ông M và bà H đồng ý chia đôi số tiền cưới của vợ chồng là 125.000.000 đồng. Ông M hoàn lại cho bà H số tiền 62.500.000 đồng.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trang Nhã H về phần yêu cầu chia tài sản là bộ N1 mà gia đình bà H đã cho gồm 01 vòng kiềng, 02 vòng tay; bộ N1 mà gia đình ông M đã cho vợ chồng khi cưới gồm 01 đôi bông tai bạch kim, 01 cặp nhẫn bạch kim có gắn kim cương, 01 sợi dây chuyền bạch kim.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Phùng Nhựt M cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phùng Khôi V mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi cháu V được sinh ra là ngày 29/5/2022 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự túc được; buộc ông M phải thanh toán các khoản chi phí cấp dưỡng con chung 19 tháng đã qua với số tiền 38.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày ý kiến và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Trang Nhã H có địa chỉ cư trú tại khu phố E, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn, chia tài sản chung của vợ

chồng; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chi phí khám sức khỏe thai nhi, chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1, khoản 5, khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Trang Nhã H yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng; tuy nhiên tại phiên tòa bà H thay đổi mức cấp dưỡng, cụ thể yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của bà H.

Về tài sản chung, bà H yêu cầu chia đôi bộ nữ trang 06 chỉ vàng mà gia đình bà đã cho gồm 01 vòng kiềng, 02 vòng tay; bộ N1 mà gia đình ông M đã cho vợ chồng khi cưới gồm 01 đôi bông tai bạch kim, 01 cặp nhẫn bạch kim có gắn kim cương, 01 sợi dây chuyền bạch kim. Tại phiên tòa, ông M đồng ý giao toàn bộ bộ N1 mà gia đình bà H đã cho gồm 01 vòng kiềng, 02 vòng tay và bộ N1 mà gia đình ông M đã cho vợ chồng khi cưới gồm 01 đôi bông tai bạch kim, 01 cặp nhẫn bạch kim có gắn kim cương, 01 sợi dây chuyền bạch kim; ông M xin giữ lại 01 nhẫn cưới là nhẫn bạch kim có gắn kim cương. Bà H đã đồng ý nhận toàn bộ tài sản trên và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản này. Xét thấy, việc bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H về yêu cầu phân chia tài sản chung là bộ N1 mà gia đình bà H đã cho gồm 01 vòng kiềng, 02 vòng tay; bộ N1 mà gia đình ông M đã cho vợ chồng khi cưới gồm 01 đôi bông tai bạch kim, 01 cặp nhẫn bạch kim có gắn kim cương, 01 sợi dây chuyền bạch kim.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Nhựt M và bà Nguyễn Trang Nhã H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường P cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/12/2020 đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phùng Nhựt M, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông M bà H xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, đời sống hôn nhân căng thẳng; vợ chồng đã không sống cùng nhau từ 02 năm nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông M và bà H đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải để đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên cả hai đều thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công

nhận. Xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con khi ly hôn: Ông Phùng Nhựt M và bà Nguyễn Trang N H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phùng Khôi V – sinh ngày 29/5/2022. Ly hôn, ông M đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng với điều kiện gia đình bà H và bà H tạo điều kiện cho ông được thăm nom con, không được gây khó khăn hay cản trở quyền thăm con của ông. Bà H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông M và bà H đã thống nhất về việc ông M đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.0000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được. Tuy nhiên, ông M chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng, tương đương với 25% thu nhập hiện nay của ông.

Xét thấy: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Căn cứ nhu cầu thiết yếu để nuôi dưỡng, chăm sóc thực tế đối với trẻ dưới 36 tháng tuổi và khả năng thu nhập thực tế của ông M (BL 26 – 38), để bảo đảm quyền lợi, điều kiện sống của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H. Buộc ông Phùng Nhựt M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phùng Khôi V – sinh ngày 29/5/2022 với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được. Quyền thăm nom chăm sóc con chung sau ly hôn thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Xét yêu cầu của bà H buộc ông M phải hoàn trả lại chi phí cấp dưỡng nuôi con chung trong 19 tháng đã qua tính từ thời điểm cháu V sinh ra là ngày 29/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là: 19 tháng x 2.000.000 đồng = 38.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông M thừa nhận cháu V là con của mình, từ khi sinh ra đến nay cháu V đều do bà H nuôi dưỡng, ông không đồng ý hoàn trả lại số tiền 38.000.000 đồng cho bà H vì trong thời gian đó ông không được gặp con, bà H tự ý bỏ ra chi phí nuôi con mà không thông qua ý kiến của ông.

Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ. Tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên,*

*con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”.*

Về thời điểm cấp dưỡng: Tại án lệ số 62/2023/AL1/HĐTP/TANDTC ngày 24/02/2023 quy định về thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên thì “*nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên được phát sinh từ khi người con được sinh ra. Việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con*”.

Xét thấy: Cháu Phùng Khôi V là con chung của ông M và bà H, nhưng từ khi cháu V được sinh ra là ngày 29/5/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/12/2023), một mình bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và chi trả các khoản chi phí nuôi con (BL 55 – 264). Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông M phải hoàn trả lại cho bà H các khoản chi phí cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng mà bà H đã bỏ ra nuôi con tính từ ngày 29/5/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 19 tháng với số tiền là: 19 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 38.000.000 đồng.

[2.5] Xét yêu cầu của bà H buộc ông M hoàn trả  $\frac{1}{2}$  chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở với số tiền 22.800.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H và ông M cùng thống nhất thỏa thuận ông M đồng ý hoàn trả lại cho bà H  $\frac{1}{2}$  chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở là 22.800.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là phù hợp không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông M và bà H đều xác nhận tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Bộ N1 06 chỉ vàng mà gia đình bà H đã cho gồm 01 vòng kiềng, 02 vòng tay;
- Bộ N1 mà gia đình ông M đã cho vợ chồng khi cưới gồm 01 đôi bông tai bạch kim, 01 cặp nhẫn bạch kim có gắn kim cương, 01 sợi dây chuyền bạch kim.
- Số tiền cưới 125.000.000 đồng mà vợ chồng đã hùn với ba mẹ ông M mua đất.

Bà H yêu cầu chia đôi số tài sản trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà H tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu phân chia tài sản chung là bộ N1 06 chỉ vàng mà gia đình bà H đã cho gồm 01 vòng kiềng, 02 vòng tay; bộ N1 mà gia đình ông M đã cho khi cưới gồm 01 đôi bông tai bạch kim, 01 cặp nhẫn bạch kim có gắn kim cương, 01 sợi dây chuyền bạch kim; và đã được Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Riêng đối với yêu cầu chia đôi số tiền cưới 125.000.000 đồng; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông M và bà H cùng thống nhất thỏa thuận chia đôi số tiền này, cụ thể mỗi người được chia số tiền 62.500.000 đồng. Tuy nhiên hiện ông M đang giữ số tiền 125.000.000 đồng nên ông M đồng ý hoàn lại cho bà H số tiền 62.500.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.7] Về nợ chung: Ông M và bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

- Đối với án phí ly hôn sơ thẩm: Do ông M và bà H thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm; cụ thể ông M và bà H mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Đối với án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Phùng Nhựt M phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Đối với chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở: Ông M tự nguyện thanh toán chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở cho bà H với số tiền 22.800.000 đồng nên phải chịu án phí có giá ngạch là 570.000 đồng (cách tính: 22.800.000 đồng x 5% x 50%)

- Đối với án phí tài sản chung: Do ông M và bà H thỏa thuận được về phần chia đôi tài sản chung là số tiền 125.000.000 đồng nên mỗi người phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia; Cụ thể ông M và bà H mỗi người phải chịu là 1.562.500 đồng (cách tính:  $[(125.000.000 \text{ đồng} : 2) \times 5\% \times 50\%]$ )

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 5, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244, Điều 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, 68, 69, 71, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phùng Nhựt M và bà Nguyễn Trang Nhã H.



2. Về nuôi con chung khi ly hôn: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Phùng Nhựt M và bà Nguyễn Trang Nhã H. Giao cháu Phùng Khôi V – sinh ngày 29/5/2022 cho bà Nguyễn Trang N Huyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà H không được cản trở việc ông M thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phùng Nhựt M phải hoàn trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phùng Khôi V cho bà Nguyễn Trang Nhã H từ ngày 29/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 38.000.000<sup>d</sup> (*ba mươi tám triệu đồng*).

Buộc ông Phùng Nhựt M phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phùng Khôi V mỗi tháng 2.000.000<sup>d</sup> (*hai triệu đồng*); thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

4. Về chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Phùng Nhựt M và bà Nguyễn Trang Nhã H về việc ông M đồng ý hoàn lại cho bà H ½ chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở với số tiền 22.800.000<sup>d</sup> (*hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

5. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Trang Nhã H đối với ông Phùng Nhựt M về việc yêu cầu phân chia tài sản chung là bộ N1 06 chỉ vàng mà gia đình bà H đã cho gồm 01 vòng kiềng, 02 vòng tay; bộ N1 mà gia đình ông M đã cho khi cưới gồm 01 đôi bông tai bạch kim, 01 cặp nhẫn bạch kim có gắn kim cương, 01 sợi dây chuyền bạch kim.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Phùng Nhựt M và bà Nguyễn Trang Nhã H về việc chia đôi tài sản chung là số tiền 125.000.000 đồng. Ông M được chia số tiền 62.500.000<sup>d</sup> (*sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Ông M đồng ý hoàn lại cho bà H số tiền 62.500.000<sup>d</sup> (*sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

6. Về nợ chung: Ông Phùng Nhựt M và bà Nguyễn Trang Nhã H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo các điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

#### 7. Về án phí:

Ông Phùng Nhựt M phải chịu 75.000<sup>d</sup> án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000<sup>d</sup> án phí cấp dưỡng nuôi con; 570.000<sup>d</sup> án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ hoàn lại chi phí khám thai, dưỡng thai và sinh nở; 1.562.500<sup>d</sup> án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Tổng cộng ông M phải chịu 2.507.500<sup>d</sup> (*hai triệu năm trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0005421 ngày 08/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận. Ông Phùng Nhựt M còn phải nộp thêm 2.207.500<sup>d</sup> (*hai triệu hai trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Trang Nhã H phải nộp 75.000<sup>d</sup> án phí ly hôn sơ thẩm; 1.562.500<sup>d</sup> án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Tổng cộng bà H phải chịu 1.637.500<sup>d</sup> (*một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.122.500<sup>d</sup> (*ba triệu một trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0005764 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận. H1 lại cho bà Nguyễn Trang Nhã H số tiền chênh lệch 1.485.000<sup>d</sup> (*một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/12/2023)/.

#### Nơi nhận:

- Đường sự;
  - VKSND TP. PR-TC;
  - Chi cục THADS TP. PR-TC;
  - TAND tỉnh Ninh Thuận;
  - UBND phường Phước Mỹ
- (Giấy CNKH số 126, ngày 25/12/2020);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đường Nguyễn Thanh Thảo**

